TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 12 - 2024.
"Về tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Lê Lâm Bảo Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pholy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 334/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp C, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đào Anh K, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp C, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà N, vắng mặt ông K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông K được hình thành là do tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý hai người chung sống nhau từ năm 2006, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 02/5/2007. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến khi bà sinh con vào cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K lo ăn chơi, gây nợ bán tài sản trong nhà, nhưng vì con còn nhỏ nên bà bỏ qua mong ông có ngày thay đổi, nhưng ông không thay đổi mà kéo dài ăn chơi nhiều hơn, đến năm 2012 thì bà không chịu đựng được nữa nên bỏ nhà sống ly thân với ông K đến nay. Trong thời gian

ly thân gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông K.

Về quan hệ con chung: Bà với ông K có 01 con chung tên Đào Lê D, sinh ngày 08/4/2007, hiện do ông K nuôi. Khi ly hôn bà đồng ý giao cho ông K tiếp tục nuôi, bà xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông K không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông K không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Đào Anh K để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà N bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà N – ông K chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông K lo ăn chơi, gây nợ bán tài sản trong nhà, bà khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi nên ly thân nhau, gia đình có hàn gắn không thành, nên bà N xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Cháu Đào Lê D yêu cầu tiếp tục sống chung với cha, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà N khởi kiện ly hôn với ông K, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông K có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông K theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N – ông K kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 02/5/2007, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà N bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông K1 không tôn trọng gia đình, thường xuyên lo ăn chơi, gây nợ bán tài sản trong nhà, bà khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi nên ly thân nhau từ hơn 05 năm nay, gia đình có hàn gắn nhưng không thành…

Qua trình bày của bà N, mặc dù ông K vắng mặt, nhưng tại biên bản xác minh vào ngày 11/11/2024 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa bà N – ông K là do tự tìm hiểu, quá trình chung sống thì ông K1 lo ăn chơi, nên bà N không thể tiếp tục chung

sống với ông K mà phải ly thân. Với quan hệ là chị ruột của K, bà có thường xuyên liên lạc với K thì xác định : Khã năng N với K hàn gắn lại là không thể…

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét trình bày của bà N là có cơ sở, mâu thuẫn giữa bà N – ông K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Đào Lê D, sinh ngày 08/4/2007, từ trước nay do ông K nuôi dưỡng, tình cảm giữa cháu D với ông K đã thật sự gắn bó, ý nguyện của cháu D tiếp tục sống với cha, do đó để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu D phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu D cho ông K tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho ông K biết: Trong thời gian nuôi con, ông K cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông K không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà N khai bà với ông K không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông K vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông K có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và ông K có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Lê Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Đào Anh K.

Về quan hệ con chung: Ông Đào Anh K được tiếp tục nuôi cháu Đào Lê D, sinh ngày 08/4/2007. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà NhungUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012399 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*bà N nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ